| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B, TỈNH T** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **36**/2020/QĐST- DS | *B, ngày 11 tháng 02 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 613/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Lê Hùng H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp 3, xã Bình Th, huyện B, tỉnh T.

*Bị đơn:* **Trần Thị Ánh T**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp 3, xã Bình Th, huyện B, tỉnh T.

**2.** Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1/*** Anh H và chị T thống nhất xác định toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Thửa đất số 52 tờ bản đồ số 9, diện tích 63,9 $m^2$ tọa lạc xã Bình T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 507597, ngày 21/05/2008 cho Trần Thị Ánh T. Gắn liền với thửa đất trên có 01 ngôi nhà cấp 4,

có kết cấu: Tường xây gạch, nền lát gạch bông, có 01 gác lửng và diện tích nhà được xây trên toàn bộ diện tích đất ở thửa 52 tờ số 9 xã Bình T.

- Thửa đất số 577 tờ số 12 xã Thạnh Tr có diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 328,5 $m^2$. Thửa đất trên do chị Trần Thị Ánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

***2.2/*** Anh H và chị T tự nguyện phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn như sau:

- Anh Lê Hùng H nhận toàn bộ thửa đất số 52 tờ bản đồ số 9 tọa lạc xã Bình T do chị Trần Thị Ánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/05/2008 và 01 ngôi nhà cấp 4, có kết cấu: Tường xây gạch, nền lát gạch bông, có 01 gác lửng. Thực tế ngôi nhà và đất do anh H đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Giá Tr là 200.000.000 đồng.

- Chị Trần Thị Ánh T được nhận thửa đất số 577 tờ số 12 tọa lạc xã Thạnh Tr do chị Trần Thị Ánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế do chị T đang quản lý, sử dụng. Giá Tr là 200.000.000 đồng.

***2.3/*** Anh Lê Hùng H và chị Trần Thị Ánh T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục sang tên từ chị Trần Thị Ánh T cho anh Lê Hùng H đối với thửa đất số 52 tờ bản đồ số 9 xã Bình T, huyện B, tỉnh T theo quy định của pháp luật.

2.4/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Anh Lê Hùng H phải chịu án phí theo quy định là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0007905 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh T. Vậy, anh H đã nộp đủ án phí.

- Chị Trần Thị Ánh T phải chịu án phí theo quy định là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh T (Phòng KTNV và THA);*
*- VKSND huyện B ;*
*- Chi cục THADS huyện B ;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**Võ Thị Loan**